

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP**

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày..... của Hiệu trưởng trường
Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

Ngành đào tạo: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

Tên tiếng Anh: INDUSTRIAL MANAGEMENT

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Mã số: 7510601

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

Tp. Hồ Chí Minh, 2018

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình:	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
Mã ngành:	52510601
Hình thức đào tạo:	CHÍNH QUI
Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....của Hiệu trưởng trường
Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: 10

Quy trình đào tạo: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

4. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

Mục đích (Goals)

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng quản trị hoạt động sản xuất và kinh doanh trong nhiều lĩnh vực như: quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị nhân sự và quản trị marketing. Có kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế; kỹ năng làm việc nhóm và lãnh đạo. Có khả năng phân tích, tổng hợp và xử lý vấn đề; có khả năng đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Mục tiêu đào tạo (Objectives)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức về khoa học cơ bản, kiến thức tổng quan và chuyên sâu về quản lý công nghiệp.
2. Khả năng phân tích, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong quản trị doanh nghiệp; có tư duy hệ thống, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế và học tập suốt đời.

3. Khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt và tiếng Anh; khả năng lãnh đạo và làm việc nhóm.
4. Khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, triển khai, vận hành các giải pháp cải tiến quá trình quá trình sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	KIẾN THỨC NỀN TẢNG TRONG NGÀNH QLCN.	
1.1.	Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản trong quản trị doanh nghiệp	3
1.2.	Áp dụng được kiến thức tổng quan về quản trị trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ.	3
1.3.	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp: quản trị chất lượng, quản trị nhân sự, Marketing, tài chính. Đặc biệt chuyên sâu về quản trị sản xuất, vận dụng Lean & 6 sigma trong hoạt động doanh nghiệp.	3
2.	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ THÁI ĐỘ NGHỀ NGHIỆP	
2.1.	Khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong kinh doanh.	4
2.2.	Khả năng thực hiện nghiên cứu trong quản trị doanh nghiệp.	4
2.3.	Khả năng tư duy hệ thống về các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp.	3
2.4.	Có thái độ làm việc chuyên nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế, học tập suốt đời.	3
2.5.	Hình thành ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp .	3
3.	KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ LÃNH ĐẠO	
3.1.	Khả năng làm việc nhóm và lãnh đạo.	3
3.2.	Khả năng giao tiếp trong quản trị doanh nghiệp.	3
3.3.	Khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ , sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành bằng Tiếng Anh.	3
4.	KHẢ NĂNG HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI, VẬN HÀNH HỆ THỐNG SẢN XUẤT VÀ DỰ ÁN KINH DOANH.	
4.1.	Giải thích được ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp.	2
4.2.	Khả năng thích nghi với sự khác biệt văn hóa trong các tổ chức khác nhau.	3
4.3.	Hình thành ý tưởng cải tiến trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.	5
4.4.	Khả năng lập kế hoạch cải tiến quy trình sản xuất và kinh doanh	4

4.5.	Khả năng triển khai kế hoạch cải tiến quy trình sản xuất và kinh doanh	4
4.6.	Khả năng vận hành quy trình sản xuất và kinh doanh.	4
4.7.	Khả năng triển khai ý tưởng khởi nghiệp .	5

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
$0.0 \leq TĐNL \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
$1.0 < TĐNL \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
$2.0 < TĐNL \leq 3.0$		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,...
$3.0 < TĐNL \leq 4.0$	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$4.0 < TĐNL \leq 5.0$		Đánh giá: SV đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
$5.0 < TĐNL \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: SV kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 125 tín chỉ

(không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		40
A. Khối kiến thức bắt buộc		24
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		16

1	Các NL cơ bản của CN Mác-Lênin	5
2	Đường lối CM của ĐCSVN	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Pháp luật đại cương	2
II. Toán học và KHTN		9
4	Toán kinh tế 1	3
5	Toán kinh tế 2	3
6	Xác suất thống kê ứng dụng	3
III. Nhập môn ngành		3 (2+1)
B. Khối kiến thức tự chọn		16
IV. Tin học		
1	Tin học ứng dụng	2(1+1)
V. Khoa học xã hội nhân văn (theo danh mục)		4
VI. Khoa học kỹ thuật		6
VII. Cơ sở ngành và chuyên ngành		6
C. Khối kiến thức GDTC + GDQP		
VIII. Giáo dục thể chất		
1	Giáo dục thể chất 1	1
2	Giáo dục thể chất 2	1
3	Tự chọn <i>Giáo dục thể chất 3</i>	3
IX. Giáo dục quốc phòng		165 tiết
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP		85
Cơ sở nhóm ngành và ngành		
Cơ sở ngành		75
Chuyên ngành		
Thí nghiệm, thực tập, thực hành		0
Trong đó, thực tập tốt nghiệp		4
Khóa luận tốt nghiệp		6

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần bắt buộc)

A – Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT150105	Những NLCB của CN Mác – Lênin	5	
2.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
3.	LLCT230214	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	
4.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
5.	MATH130801	Toán kinh tế 1	3	
6.	MATH130901	Toán kinh tế 2	3	MATH130801
7.	MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3	MATH130901
8.	INMA130106	Nhập môn ngành Quản lý CN	3(2+1)	

9.		Tự chọn đại cương	4	
10.		Tự chọn kỹ thuật	6	
11.		Tự chọn quản trị	6	
12.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
13.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
14.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	
15.	-	Giáo dục quốc phòng	165 tiết	
Tổng			40	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BLAW220308	Luật kinh tế	2	
2.	ECON240206	Kinh tế học	4	
3.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	
4.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
5.	EDDG220120	Vẽ kỹ thuật	2	
6.	BCOM320106	Giao tiếp kinh doanh	2	
7.	APCM220307	Tin học ứng dụng	2	
8.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	MATH130901
9.	RMET230306	Phương pháp nghiên cứu	2(1+1)	
10.	BSTA231006	Thống kê trong kinh doanh	3	MATH130401
11.	DANA230606	Phân tích dữ liệu	3(2+1)	RMET230306
Tổng			29	

7.2.2 Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Hướng Quản trị sản xuất				
1.	PRMA330806	Quản trị sản xuất 1	3	MAOP230706
2.	PRMA331506	Quản trị sản xuất 2	3	PRMA331506
3.	PRMP320806	Thực hành Quản trị sản xuất	2	
4.	LEAN420806	Sản xuất tinh gọn	2	
5.	ERPS431208	Hệ thống HĐ nguồn lực DN (ERP)	3	
6.	SCMA430706	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
Tổng			16	
Hướng Quản trị chất lượng				
7.	QMAN331606	Quản trị chất lượng	3	BSTA231006
8.	SSFU420906	6 Sigma căn bản	2	BSTA231006
9.	MAIM330406	Quản lý bảo trì công nghiệp	3	FUMA230806
Tổng			8	
Hướng Quản trị nhân sự				
10.	HRMA331206	Quản trị nguồn nhân lực	3	FUMA230806

11.	WSIE320425	An toàn lao động và môi trường công nghiệp	2	
12.	BCUL330506	Văn hóa doanh nghiệp	3(TC)	
13.	ORBE330306	Hành vi tổ chức	3(TC)	
Tổng			11	
Hướng Marketing và kinh doanh				
14.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	
15.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	
16.	PROM430506	Quản trị dự án công nghiệp	3	FUMA230806
17.	MAMA330906	Quản trị marketing	3	FUMA230806
18.	BPLA420606	Kế hoạch kinh doanh	2	STMA430406 HRMA331206 FIMA430807
19.	STMA430406	Quản trị chiến lược	3	
Tổng			17	
Tổng			46	

7.2.3. Tốt nghiệp (Sinh viên chọn một trong hai hình thức sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	INTE441106	Thực tập tốt nghiệp	04	Đạt kỳ thi kiểm tra năng lực “Qualified exam”
2.	IMGR461206	Khóa luận tốt nghiệp	06	
Tổng			10	

Điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp: Đạt kỳ thi kiểm tra năng lực “Qualified exam”

B – Phần tự chọn:

Kiến thức giáo dục đại cương (Sinh viên chọn 02 trong các môn học sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	PLSK320605	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2	
2.	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	
3.	SYTH220491	Tư duy hệ thống	2	
4.	INLO220405	Nhập môn logic học	2	
5.	PSBU220408	Tâm lý học kinh doanh	2	

Kiến thức kỹ thuật_Nhóm A (Sinh viên chọn 02 trong các môn học sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	CADM230320	Đồ họa kỹ thuật trên máy tính (CAD)Auto Cad căn bản	3	
2.	AUMP323525	Tự động hóa quá trình sản xuất	3	
3.	ELEN232044	Kỹ thuật điện	3	
4.	WEDE330484	Thiết kế WEB	3 (2+1)	

Kiến thức quản trị_Nhóm B (Sinh viên chọn 02 trong các môn sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	PRAN331106	Lập và phân tích dự án	3	
2.	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3	
3.	ORBE330306	Hành vi tổ chức	3	
4.	BCOM330106	Đàm phán và thương lượng	3	
5.	BCUL330506	Văn hóa doanh nghiệp	3	
6.	TEMA321406	Quản trị công nghệ	3	

C –Kiến thức liên ngành:

Sinh viên có thể chọn 6 tín chỉ liên ngành để thay thế cho các môn học chuyên ngành trong phần tự chọn:

- Xem danh sách các môn học được đề xuất trong phần Phụ lục, hoặc
- Sinh viên có thể tự chọn các môn học nằm ngoài danh sách được đề xuất trên tinh thần các môn học hỗ trợ hướng phát triển nghề nghiệp sau này. SV nên nhờ tư vấn thêm từ Ban tư vấn để có sự lựa chọn phù hợp.

D – Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses):

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể tự chọn các khóa học online đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các môn học có trong chương trình đào tạo:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn học được xét tương đương MOOC (đường link đăng ký)
1.	SSFU420906	6 sigma căn bản	2	Six sigma fundamentals https://www.coursera.org/specializations/six-sigma-fundamentals
2.	BSTA231006	Thống kê kinh doanh	3	Introduction to Data Analysis Using Excel https://www.coursera.org/learn/excel-data-analysis
3.	APCM220307	Tin học ứng dụng	2	Excel skills for business: Essentials https://www.coursera.org/specializations/excel
4.	MAMA31706	Quản trị marketing	3	Marketing https://www.icieducation.com/courses/business/marketing/
5.	WSIE320425	An toàn lao động và môi trường công nghiệp	2	Technological, Social, and Sustainable Systems - CEE 181 https://gfa.asu.edu/courses/technological-social-and-sustainable-systems-cee-181

8. Kế hoạch giảng dạy

Ghi chú: Các môn học sau không bố trí vào lịch học cố định mà sinh viên tự sắp xếp học theo kế hoạch mở lớp của nhà trường.

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước
1.	LLCT150105	Những NLCB của CN Mác – Lênin	5	
2.	LLCT230214	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	
3.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
4.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	0	
5.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	0	
Tổng			10	

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	ECON240206	Kinh tế học	4	
2.	INMA130106	Nhập môn ngành QLCN	3(2+1)	
3.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
4.	MATH130801	Toán kinh tế 1	3	
5.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	0	
Tổng			12	

Ghi chú: Môn Nhập môn ngành QLCN có mời chuyên gia từ doanh nghiệp hoặc cựu sinh viên thành đạt về trình bày.

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BLAW220308	Luật kinh tế	2	
2.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	
3.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
4.	MATH130901	Toán kinh tế 2	3	MATH130801
5.	EDDG220120	Vẽ kỹ thuật	2	
6.		Tự chọn đại cương	2	
Tổng			15	

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BCOM320106	Giao tiếp kinh doanh	2	
2.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	
3.	APCM220307	Tin học ứng dụng	2(1+1)	
4.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	MATH130901
5.	MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3	MATH130901
6.		Tự chọn đại cương	2	
Tổng			15	

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	RMET230306	Phương pháp nghiên cứu	2(1+1)	
2.	PROM430506	Quản trị dự án công nghiệp	3	FUMA230806
3.	PRMA330806	Quản trị sản xuất 1	3	MAOP230706
4.	BSTA231006	Thống kê trong kinh doanh	3	MATH130401
5.	PRMP320806	Thực hành Quản trị sản xuất	2	
6.		Tự chọn A	3	
7.		Tự chọn B	3	
Tổng			19	

Ghi chú: Môn Thực hành Quản trị sản xuất đưa SV đến doanh nghiệp để đào tạo.

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	WSIE320425	An toàn lao động và môi trường công nghiệp	2	
2.	ERPS431208	Hệ thống HD nguồn lực DN (ERP)	3	
3.	DANA230606	Phân tích dữ liệu	3(2+1)	RMET230306
4.	MAMA330906	Quản trị marketing	3	FUMA230806
5.	PRMA331506	Quản trị sản xuất 2	3	PRMA331506
6.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	
7.		Tự chọn A	3	
Tổng			20	

Ghi chú: Môn Quản trị sản xuất 2 có mời chuyên gia từ doanh nghiệp đến trình bày.

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BPLA420606	Kế hoạch kinh doanh	2	FUMA230806
2.	MAIM330406	Quản lý bảo trì công nghiệp	3	FUMA230806
3.	QMAN331606	Quản trị chất lượng	3	BSTA231006
4.	STMA430406	Quản trị chiến lược	3	
5.	SCMA430706	Quản trị chuỗi cung ứng	3	FUMA230806
6.	HRMA331206	Quản trị nguồn nhân lực	3	FUMA230806
7.		Tự chọn B	3	
Tổng			20	

Học kỳ 7:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	SSFU420906	6 Sigma căn bản	2	BSTA231006
2.	LEAN420806	Sản xuất tinh gọn	2	
3.	INTE441106	Thực tập tốt nghiệp	4	

Tổng	8	
-------------	----------	--

Học kỳ 8:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	IMGR461206	Khóa luận tốt nghiệp	6	INTE441106
Tổng			6	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1 Pháp luật đại cương

Số TC:02

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)

- Điều kiện tiên quyết:

- Tóm tắt nội dung học phần: Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo pháp luật”. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

9.2 Toán kinh tế 1

Số TC:03

– Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

– Điều kiện tiên quyết:

– Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

9.3 Toán kinh tế 2

Số TC:03

– Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

– Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1

– Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

9.4 Xác suất thống kê ứng dụng

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Toán kinh tế 1
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm : Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

9.5 Nhập môn ngành Quản lý công nghiệp

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Quản lý công nghiệp cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

9.6 Thực hành Quản trị sản xuất

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Ứng dụng các lý thuyết và công cụ được học trong môn Quản trị sản xuất 1 như cân bằng chuyên, tính định mức,...vào thực tế tại các doanh nghiệp.

9.7 Phương pháp nghiên cứu

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học trang bị cho sinh viên cách tìm kiếm và đọc hiểu các bài báo khoa học từ đó xác định được hướng nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị và kinh tế. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể viết một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh và mang tính khả thi khi triển khai thực hiện.

9.8 Phân tích dữ liệu

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Phương pháp nghiên cứu
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học giúp sinh viên có thể triển khai một nghiên cứu cụ thể khi đã có đề cương nghiên cứu. Việc triển khai bao gồm việc đi thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo tổng kết lại kết quả nghiên cứu.

9.9 Thống kê trong kinh doanh

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Xác suất thống kê ứng dụng
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan đến thống kê đặc biệt là áp dụng vào việc quản trị chất lượng, quản trị sản xuất theo Lean và 6 sigma, dự báo chuỗi thời gian và ra quyết định trong kinh doanh.

9.10 An toàn lao động và môi trường công nghiệp

Số TC:02

9.11 Quản trị theo Lean & 6 sigma

Số TC:04

- Phân bố thời gian học tập: 4 (4, 0, 8)
- Điều kiện tiên quyết: Xác suất thống kê ứng dụng
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp sản xuất tinh gọn Lean và phương pháp cải tiến đột phá 6 sigma nhằm hạn chế các lãng phí trong quá trình sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng...

9.12 Quản trị tổng thể doanh nghiệp (ERP)

Số TC:03

9.13 Tối ưu hóa

Số TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)
- Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phân trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

9.14 Quản trị ngoại thương

Số TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần

Môn Quản trị ngoại thương cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, giúp người học nắm được nội dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế... Nói chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương hiệu quả.

9.15 Kinh tế học

Số TC:04

- Phân bố thời gian học tập: 4 (4, 0, 8)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn Kinh tế học đại cương cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ môn học này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể.

9.16 Nguyên lý kế toán

Số TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ

bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, ...).

9.17 Luật kinh tế

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:* pháp luật đại cương
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Luật kinh doanh từng bước cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết lý, bản chất, vai trò và chức năng của pháp luật kinh tế đối với môi trường kinh doanh. Môn học này cũng sẽ giúp cho người học nhận diện được mối quan hệ mật thiết giữa luật và kinh tế học. Theo đó, luật pháp được coi là một yếu tố tạo nên chi phí kinh doanh. Với chủ đích tạo một môi trường học tập từ những gì đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, môn học Luật kinh doanh với một tập hợp các tình huống có thật sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các triết lý của pháp luật nói chung và luật kinh tế nói riêng. Các học thuyết này bao gồm học thuyết về quyền sở hữu; học thuyết về quyền tự do kinh doanh; lý thuyết về cạnh tranh; thuyết chi phí giao dịch; học thuyết pháp nhân và tính chịu trách nhiệm hữu hạn; lý thuyết về uỷ quyền- tác nghiệp; học thuyết về tự do khế ước; học thuyết về điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro; học thuyết về lẽ công bằng...

9.18 Quản trị học căn bản

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Việc quản lý có hiệu quả công việc của nhân viên trong các tổ chức là vấn đề chính yếu của xã hội công nghiệp hóa vì chính những người quản lý là những người phải đưa ra quyết định về việc sử dụng nguồn nhân lực, vật liệu, công nghệ, và vốn. Môn học này sẽ khắc họa hình ảnh thực tế về những công việc mà người quản lý cần làm. Hơn nữa, môn học cũng sẽ giúp chỉ ra những kỹ năng mà các nhà quản lý phải áp dụng để đạt được những mục tiêu và tiêu chuẩn quan trọng đã đề ra bằng cách cung cấp những kiến thức cơ bản về một loạt các chủ đề bao gồm hoạch định, tổ chức, biên chế, lãnh đạo, thay đổi và ra quyết định trong tổ chức.

9.19 Vẽ kỹ thuật

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* học phần cung cấp cho sinh viên những quy tắc cơ bản để xây dựng bản vẽ kỹ thuật bao gồm: Các tiêu chuẩn hình thành bản vẽ kỹ thuật, các kỹ thuật cơ bản của hình học họa hình, các nguyên tắc biểu diễn không gian hình học, các phép biến đổi, sự hình thành giao tiếp của các mặt, ..., các yếu tố cơ bản của bản vẽ kỹ thuật: Điểm, đường, hình chiếu, hình cắt, các loại bản vẽ chi tiết, vẽ lắp và bản vẽ sơ đồ động trên cơ sở tiêu chuẩn TCVN và ISO.

9.20 Quản trị marketing

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị marketing là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, marketing là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing trong một đơn vị như thế nào. Quá trình marketing bắt đầu bằng việc phải hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp

sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng. Để triển khai chiến lược marketing đã chọn, doanh nghiệp phải cụ thể hóa chiến lược marketing của mình thành một chương trình marketing liên hợp (integrated marketing program) bao gồm các yếu tố: chiến lược phát triển sản phẩm (Product strategy), chiến lược định giá sản phẩm (Price strategy), chiến lược phân phối (Place strategy), chiến lược truyền thông/chiêu thị (Communication/Promotion strategy).

9.21 Kế toán quản trị

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán quản trị có chức năng thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị để thực hiện quản trị tổ chức. Thông tin của kế toán quản trị là một trong những nguồn thông tin chủ yếu cho nhà quản trị ra quyết định, điều hành và kiểm soát hoạt động trong một tổ chức. Môn học đi vào các nội dung cụ thể của kế toán quản trị như sau: phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, phân tích chi phí phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh, lập kế hoạch và dự toán ngân sách, phân tích biến động chi phí sản xuất, đánh giá trách nhiệm quản lý, sử dụng kỹ thuật phân tích biến động đánh giá hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp...

9.22 Quản trị sản xuất 1

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sản xuất là một trong những chức năng chính của doanh nghiệp, là quá trình tạo ra sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho thị trường. Học phần quản trị sản xuất 1 trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về cách thức vận hành của một số hệ thống sản xuất. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về thiết kế quy trình sản xuất, tính toán các thống số trong hệ thống sản xuất, đồng thời hiểu được vai trò và nắm bắt công việc của một người làm công tác quản lý trong hệ thống sản xuất. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, là môn học tiên quyết giúp người học có kiến thức cơ sở để có thể lĩnh hội các kiến thức cao hơn, sâu hơn trong chuyên ngành quản trị sản xuất như: quản trị sản xuất 2, quản trị sản xuất theo LEAN và JIT, quản trị chuỗi cung ứng.

9.23 Quản trị sản xuất 2

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Hệ thống sản xuất
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sản xuất là một trong những chức năng chính của doanh nghiệp, là quá trình tạo ra sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho thị trường. Quản trị sản xuất có vai trò quan trọng trong quản trị doanh nghiệp, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua chi phí sản xuất, chất lượng sản phẩm và thời gian giao hàng. Học phần quản trị sản xuất 2 trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về công tác quản trị sản xuất và điều hành trong doanh nghiệp. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu sản xuất, hoạch định công suất nhà máy, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, quản lý hàng tồn kho, điều độ sản xuất. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ.

9.24 Quản trị công nghệ

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học quản trị công nghệ cung cấp các kiến thức cơ sở để giúp sinh viên ứng dụng được khoa học quản trị vào lĩnh vực khai thác, sử dụng công nghệ phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao. Quản trị công nghệ có vai trò thúc đẩy đầu tư phát triển công nghệ của doanh nghiệp, tạo ra vũ khí cạnh tranh mạnh mẽ nhất trong nền kinh tế thị trường hiện nay và nó tạo nền tảng cho sự tăng trưởng kinh tế của doanh nghiệp.

Học phần Quản trị công nghệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ và kiến thức kỹ năng quản trị công nghệ trong doanh nghiệp công nghiệp.

Học phần quản trị công nghệ giúp cho học viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản để phân tích đánh giá được năng lực công nghệ, qua đó mà lựa chọn, chuyển giao được công nghệ thích hợp phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

Học phần quản trị công nghệ còn trang bị kiến thức, phương pháp luận về công tác quản lý công nghệ phục vụ cho chiến lược đầu tư đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

9.25 Quản trị nguồn nhân lực

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ quản trị Nhân sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.

9.26 Quản trị chất lượng

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Xác suất thống kê ứng dụng
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học nhằm khái quát những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, các hệ thống chất lượng và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.

9.27 Quản lý bảo trì công nghiệp

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về bảo trì bảo dưỡng, làm tăng tốc độ và hiệu quả của quá trình *bảo dưỡng, nâng cao năng suất, đảm bảo* an toàn lao động, giảm thiểu hỏng hóc, rác thải *công nghiệp* ra môi trường.

9.28 Hệ thống thông tin quản lý (MIS)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản, Tin học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về công nghệ thông tin, các thành phần và các loại hệ thống thông tin, từ đó có thể đưa

ra những chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp trong quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu hướng thời đại mới.

9.29 Quản trị chiến lược

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản, Quản trị Marketing
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

9.30 Quản trị dự án công nghiệp

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án như phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các phần mềm liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý dự án.

9.31 Kế hoạch kinh doanh

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp SV nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

9.32 Quản trị chuỗi cung ứng

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Hệ thống sản xuất, Quản trị sản xuất
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như

một nghề chuyên môn & có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

9.33 Quản trị tài chính

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại diện, phân tích điểm hòa vốn, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính.

9.34 Thương mại điện tử

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thương mại điện tử, cách ứng dụng và triển khai dự án về thương mại điện tử, từ đó có thể áp dụng đưa ra những chiến lược thương mại điện tử phù hợp trong doanh nghiệp, nắm được phương thức triển khai hiệu quả nhất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại kỹ thuật số.

9.35 Tư duy hệ thống

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tư duy hệ thống giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về Tổng quan hệ thống; Tư duy để sống, học tập và làm việc hiệu quả hơn; Phương pháp luận tư duy hệ thống; Các phương pháp tư duy và tìm kiếm giải pháp sáng tạo.

9.36 Đồ họa kỹ thuật trên máy tính (CAD)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2, 1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Vẽ kỹ thuật
- *Tóm tắt nội dung học phần:* học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng bản vẽ trên phần mềm Autocad, bao gồm phương pháp sử dụng các tập lệnh 2D của phần mềm, các bước thiết lập và hoàn thiện bản vẽ thiết kế 2D. Cung cấp cho người học phương pháp sử dụng lệnh nhằm thiết lập nhanh và đầy đủ các thông số kỹ thuật của một bản vẽ kỹ thuật hoàn chỉnh, tạo cho người học định hướng ứng dụng ngay vào yêu cầu thực tế. Đây là phần học phần chuyên sâu về bản vẽ kỹ thuật giúp người học nhận thức được các mặt tác động và tầm quan trọng của nó trong kỹ thuật hoàn thiện một bản vẽ hay một cụm bản vẽ trong lĩnh vực thiết kế và chế tạo.

9.37 Tự động hóa quá trình sản xuất

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Điều khiển tự động
- *Tóm tắt nội dung học phần:* học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên lý làm việc của các phần tử và hệ thống điều khiển khí nén, điện - khí nén. Giới thiệu nguyên tắc cơ bản để thiết kế mạch điều khiển khí nén, điện - khí nén. Các kiến thức về phương tiện tự

động hoá của các lĩnh vực sau: điều khiển; cấp phối; kiểm tra. Cung cấp một số khái niệm cơ bản về dây chuyền sản xuất và dây chuyền lắp ráp tự động hoá.

9.38 Kỹ thuật điện

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* học phần dành cho sinh viên không chuyên ngành điện, nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về mạch điện, cách tính toán mạch điện, nguyên lý cấu tạo, tính năng và ứng dụng các loại máy điện cơ bản; cung cấp khái quát về đo lường các đại lượng điện. Trên cơ sở đó có thể hiểu được các máy điện, khí cụ điện thường gặp trong sản xuất và đời sống.

9.39 Cơ khí đại cương

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Vật lý, Vẽ kỹ thuật, Cơ kỹ thuật
- *Tóm tắt nội dung học phần:* học phần giới thiệu một cách đại cương về vật liệu cơ khí và gia công nhiệt vật liệu: khái niệm, đặc điểm của một số kim loại và hợp kim thông dụng; một số phương pháp nhiệt luyện; các phương pháp gia công không tạo phôi: đúc, gia công áp lực, hàn và cắt kim loại; gia công kim loại bằng cắt gọt, ...

9.40 Kỹ thuật số

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ thuật điện - điện tử ứng dụng
- *Tóm tắt nội dung học phần:* học phần giới thiệu các hệ thống đếm và mã dùng trong kỹ thuật số, đại số logic, tối thiểu hoá hàm logic và các họ vi mạch số; giới thiệu về thiết kế và phân tích mạch tổ hợp, một số mạch tổ hợp chuyên dụng; mạch dây, các mạch logic dây, một số mạch ứng dụng các vi mạch cỡ lớn, các mạch số học dùng IC cỡ lớn và chuyển đổi tín hiệu; thực hành, tìm hiểu, lựa chọn linh kiện, lắp ráp, điều chỉnh một số mạch đơn giản.

9.41 Hành vi tổ chức

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong một tổ chức, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức.

9.42 Lập và phân tích dự án

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị tài chính, Quản trị học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang bị cho sinh viên những hiểu kiến thức cơ bản về phân tích dự án như: phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật-công nghệ, phân tích nhân lực, phân tích tài chính
Môn học cũng trang bị cho sinh viên những chỉ tiêu lựa chọn dự án như: NPV, IRR, B/C...Ngoài ra, môn học cũng trang bị những kiến thức về lạm phát và tác động của lạm phát lên tính khả thi của dự án
Sinh viên cũng được trang bị những công cụ phân tích rủi ro như: phân tích độ nhạy, phân tích tình huống và mô phỏng

9.43 Giao tiếp trong kinh doanh

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về tâm lý giao tiếp trong kinh doanh hầu ứng xử một cách hữu hiệu với các dạng tâm lý của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết các học thuyết lẫn thực hành trong mọi tình huống - trên tinh thần làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhằm giúp khả năng tự tin khi tiến hành một cuộc giao tiếp. Từ đó xác định ý thức rõ ràng về nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật giao tiếp để chuẩn bị hòa nhập trong môi trường kinh doanh đầy năng động.

9.44 Tâm lý học kinh doanh

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người – đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên,..

9.45 Kinh doanh quốc tế

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 3)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về kinh doanh quốc tế như: Đại cương về kinh doanh quốc tế; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế; các chiến lược, chính sách và các mặt của hoạt động kinh doanh quốc tế; và những vấn đề nhà quản trị phải đối mặt trong môi trường toàn cầu hóa. Các kiến thức được cung cấp một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật nhằm đáp ứng được những thay đổi từng ngày của hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.

9.46 Văn hóa doanh nghiệp

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn Văn hóa doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các lý thuyết và kiến thức thực tế về văn hóa cũng như những khía cạnh sâu xa của văn hóa doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiệu quả cho doanh nghiệp trong vai trò là một thành viên hay người tư vấn của doanh nghiệp đó.

9.47 Thực tập tốt nghiệp

Số TC:04

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (0, 4, 8)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 4
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh

nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

9.48 Khóa luận tốt nghiệp

Số TC:6

- Phân bố thời gian học tập: 6(6, 0, 12)
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên năm thứ 4

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các xưởng, phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Sinh viên ngành QLCN chủ yếu sử dụng phòng máy tính cho các môn học của mình như các phòng sau đây: A3-101, A3-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B.

10.2. Thư viện, trang Web

Thư viện Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp.HCM: <http://lib.hcmute.edu.vn/>

Thư viện Đại học Quốc Gia Tp.HCM: www.vnulib.edu.vn

Thư viện Đại học Kinh Tế Tp.HCM: www.lib.ueh.edu.vn

Thư viện Đại học Bách Khoa Tp.HCM: www.lib.hcmut.edu.vn

Thư viện Đại học Kinh Tế Quốc Dân: www.lib.neu.edu.vn

Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ Thuật: www.tapchikhgdkt.hcmute.edu.vn

Tạp chí Phát triển kinh tế: www.tcptkt.ueh.edu.vn

Tạp chí Khoa học: www.tckh.ou.edu.vn

Thời báo kinh tế Sài Gòn: www.thesaigontimes.vn

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

Giờ quy định tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
- = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
- = 45 giờ tự học
- = 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở.
- = 45 ÷ 60 giờ thực hiện đề án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của môn học là bội số của 15.

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được Hội đồng Khoa học Đào tạo trường quyết định vào đầu các khóa tuyển sinh. Trong thời gian học tập, Nhà trường sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

PHỤ LỤC CÁC MÔN HỌC LIÊN NGÀNH

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	GMEN134025	Cơ khí đại cương	3	
2.	DITE334029	Kỹ thuật số	3	
3.	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	
4.	SERM332009	Marketing dịch vụ	3	
5.	MAAC331307	Kế toán quản trị	3	
6.	EMAR431108	Marketing điện tử	3	